

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-5-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Hải  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Chí Vương  
Ông Nguyễn Đình Như

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

**\* Bị đơn:** Anh Trần Bảo S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Chị T và anh S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2014 nhưng đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S thường xuyên rượu chè, bài bạc rồi về đánh đập vợ con. Chị T đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi khiến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 12/2021, chị T với anh S đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị T thấy không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng với anh S nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Bảo S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh S và chị T có 02 người con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 02/8/2015 và Trần Bảo Tr, sinh ngày 17/5/2019. Hiện nay, cháu N và cháu Tr đang ở cùng với chị T tại ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Bảo S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không thu thập được lời khai anh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Bảo S cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị T và anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh S vắng mặt không có lý do, chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh S, chị T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn, biên bản xác minh ngày 21/3/2022 thấy rằng: chị T và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2020. Chị T cho rằng quá trình chung sống, anh S thường xuyên rượu chè, bài bạc rồi về đánh đập vợ con, từ tháng 12/2021, chị T với anh S đã không còn chung sống với nhau. Mặc dù tại biên bản xác minh ngày 21/3/2022, không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị S nhưng cũng xác định hiện

nay, anh S không còn chung sống với chị T và các con. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa anh S và chị T đã trầm trọng, các bên không còn chung sống để quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị T và anh S có 02 người con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 02/8/2015 và Trần Bảo Tr, sinh ngày 17/5/2019. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh S không thể hiện có nguyện vọng muốn nuôi con. Xét, con chung đều đang chung sống với chị T, do chị T chăm sóc, anh S hiện nay không có mặt tại địa phương nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022, chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1con. Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 05/4/2022, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Do chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Bảo S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2020 ngày 06/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Trần Bảo N, sinh ngày 02/8/2015 và Trần Bảo Tr, sinh ngày 17/5/2019 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013732 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

### 3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Minh Hải**